TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày 18-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Bạch Nhạn

Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, đường Đ, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* 1. Ông Trầm Minh Q, sinh năm: 1977 (có mặt)

Đăng ký thường trú: Số A, đường Đ, khóm B, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số H đường Q, khóm G, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Quách Thụy Ngọc H, sinh năm: 1992.

Đăng ký thường trú: Số C, đường N, khóm B, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số H đường Q, khóm G, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Trầm Minh Q (có mặt) là người đại diện theo ủy quyền của bà H (văn bản ủy quyền ngày 13/3/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, của nguyên đơn bà Trần Ngọc D trình bày:

Vào ngày 01/12/2022 (08/11/2022 Âm lịch), bà D có mở dây hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) chia làm 24 phần, có 14 hụi viên, một tháng khui 03 lần vào các ngày 11/21/31 (08/18/28 âm lịch). Hụi kết thúc ngày 21/08/2023 (28/06/2023 âm lịch) có tính nhuần tháng 02 âm lịch. Ông Trầm Minh Q và Quách Thụy Ngọc H chơi 02 chân đã hốt vào ngày 01/12/2022 (08/11/2022 Âm lịch) được 89.090.000 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm chín mươi ngàn đồng), ngày 11/12/2022 (18/11/2022 Âm lịch) hốt được 89.090.000 đồng (T mươi chín triệu không trăm chín mươi ngàn đồng). Tổng cộng 2 chân hốt được 177.300.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng). Đến ngày 04/03/2023 Q và H tuyên bố phá sản. Tổng cộng Q và H còn thiếu 15 lần hụi chết mỗi lần 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tổng cộng là 150.000.000 đồng (Một trăm năm triệu đồng). Sau đó ngày 04/04/2023 trả được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Ngày 24/4/2023 trả được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ngày 01/05/2023 trả được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cộng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Sau đó ngày 03/05/2023 bà H làm giấy còn thiếu lại 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) và hứa trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), ngày 01/07/2023 trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), ngày 01/08/2023 trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) còn nợ lại 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng) cho đến nay không trả. Nay bà Trần Ngọc D yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Trầm Minh Q và bà Quách Thụy Ngọc H trả cho bà Trần Ngọc D số tiền nợ hụi là 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng).

- Tại phiên hòa giải ngày 29/02/2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trầm Minh Q trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông có ý kiến như sau: Tính đến thời điểm hôm nay ông còn nợ bà D số tiền 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng) ông đồng ý trả hết số tiền còn nợ nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn xin gia hạn đến tháng 04/2024 sẽ bắt đầu trả nợ cho bà D, mỗi tháng xin trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông thừa nhận vào ngày 01/12/2022 (08/11/2022 Âm lịch), bà D có mở dây hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chia làm 24 phần, khui ngày 11/21/31 (08/18/28 âm lịch). Hụi kết thúc ngày 21/08/2023 (28/06/2023 âm lịch) có tính nhuần tháng 02 âm lich. Ông chơi 2 chân đã hốt vào ngày 01/12/2022 (08/11/2022 Âm lịch) được 89.090.000 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm chín mươi ngàn đồng), ngày 11/12/2022 (18/11/2022 Âm lịch) hốt được 89.090.000 đồng (T mươi chín triệu không trăm chín mươi ngàn đồng). Tổng cộng 2 chân hốt được 177.300.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng). Đến ngày 04/03/2023 ông Q mất khả năng thanh toán nợ, tổng cộng ông Q còn thiếu 15 lần hụi chết với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm triệu đồng). Sau đó ngày 04/04/2023 trả được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); ngày 24/4/2023 trả được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ngày 01/05/2023 trả được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Ngày 03/05/2023 vợ ông Q là bà H có làm giấy còn thiếu lại

135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Sau đó hứa trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), ngày 01/07/2023 trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), ngày 01/08/2023 trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) còn nợ lại 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng) cho đến nay. Ông hốt hụi về sử dụng vào mục đích cho người khác vay lại kiếm tiền lời để nuôi gia đình, vợ con. Nhưng vì ông bị những người vay tiền giật nợ không trả nên ông mất khả năng thanh toán nợ cho bà D chứ ông không có ý giật nợ của bà D. Ông thừa nhận chữ ký và chữ viết trong tờ giấy ghi "8/18/ 28.24 phần.....là của ông".

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu sau:

- Một bản photo do Thẩm phán ký đối chiếu bản chính giấy ghi "Hụi ngày 8/18/28.24 phần Trầm Minh Q 2 phần ....phía dưới có chữ ký và chữ viết tên Trầm Minh Q"

- Một bản chính giấy ghi "em tên Quách Thụy Ngọc H có thiếu tiền hụi của chị D 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) Em ở tại hẻm H Q, Sóc Trăng ST 3/5/2023 có chữ ký và viết tên Quách Thụy Ngọc H viết màu mực xanh trên một mặt giấy lịch.

- Một bản chính giấy giao kèo chơi hụi "tôi tên là Trần Ngọc D ....danh sách hụi viên ....không có chữ ký và chữ viết của ai" viết màu mực xanh trên hai mặt giấy tập học sinh.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Bị đơn ông Trầm Minh Q thừa nhận chữ ký trong giấy ghi "Hụi ngày 8/18/28.24 phần Trầm Minh Q 2 phần ....phía dưới có chữ ký và chữ viết tên Trầm Minh Q" do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ hụi và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa bà D và ông Q có giao kết hợp đồng góp hụi ngày 01/12/2022 (nhằm ngày 08/11/2022 âm lịch), chia làm 24 phần, một tháng khui 03 lần vào các ngày 11/21/31 (08/18/28 âm lịch). Hụi kết thúc ngày 21/08/2023 (28/06/2023 âm lịch) có tính nhuần tháng 02 âm lịch. Ông Trầm Minh Q chơi 02 chân đã hốt vào ngày 01/12/2022 (08/11/2022 Âm lịch) được 89.090.000 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm chín mươi ngàn đồng), ngày 11/12/2022 (18/11/2022 Âm lịch) hốt được 89.090.000 đồng (T mươi chín triệu không trăm chín mươi ngàn đồng). Tổng cộng 2 chân hốt được 177.300.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng). Đến ngày 04/03/2023 ông Q mất khả năng thanh toán. Tổng cộng ông Q còn thiếu 15 lần hụi chết với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm triệu đồng). Sau đó, đã thanh toán được 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng vào các ngày 04/04/2023; ngày 24/4/2023, ngày 01/05/2023. Đến ngày ngày 03/05/2023 bà H (là vợ ông Q) làm giấy còn thiếu lại 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) và đã thanh toán được 6.000.000 đồng vào các ngày 01/07/2023; ngày 01/08/2023 thì ngưng trả cho đến nay và còn nợ lại 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng). Xét thấy, tại phiên hòa giải ngày 29/02/2024 ông Q thừa nhận tính đến ngày khởi kiện thì ông Q còn nợ bà D số tiền hụi 129.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin gia hạn đến tháng 04/2024 sẽ bắt đầu trả nợ cho bà D, mỗi tháng xin trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời, ông Q thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận tiền hụi là của ông Q. Xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào biên nhận, nhận tiền hụi để khởi kiện bị đơn ông Q, ông Q thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận tiền hụi do nguyên đơn cung cấp là của bị đơn. Xét thấy, bà D đã thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi là giao tiền hốt hụi đầy đủ cho ông Q nhưng ông Q không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hụi viên là đóng đầy đủ các phần hụi chết cho bà D vào mỗi kỳ khui hụi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Q có trách nhiệm thanh toán cho bà D số tiền hụi còn nợ tính đến ngày 01/08/2023 là 129.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét việc bà Trần Ngọc D yêu cầu vợ chồng ông Trầm Minh Q và bà Quách Thụy Ngọc H cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ trên, thấy rằng tuy biên nhận ngày 08/11/2022 (âm lịch) không thể hiện bà H có nợ tiền hụi của bà D nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông Q đã thừa nhận số tiền mà ông giao dịch với bà D được sử dụng để cho người khác vay lại kiếm tiền lời để nuôi gia đình, vợ con; đồng

thời, ông Q thừa nhận bà H đã ký vào biên nhận ngày 03/5/2023 nội dung có thiếu tiền của bà D 135.000.000 đồng, sau đó bà H đã trả cho bà D được 6.000.000 đồng vào các ngày 01/07/2023, ngày 01/08/2023. Theo 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng thì "vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình" nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà H phải có trách nhiệm liên đới với ông Q để trả số nợ trên theo yêu cầu của D.

[4] Tại phiên tòa ông Q xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 04/2024 cho đến khi hết nợ, yêu cầu này của ông Q không được nguyên đơn bà D chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ cở để xem xét, yêu cầu này sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí trên trên phần có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 95, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc D.

2. Buộc bị đơn ông Trầm Minh Q và bà Quách Thụy Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Ngọc D tiền nợ hụi tính đến ngày 01/08/2023 là 129.000.000 (một trăm hai mươi chín triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Trần Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.225.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001435 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Trầm Minh Q và bà Quách Thụy Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 6.450.000 đồng.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trầm Minh Q và bà Quách Thụy Ngọc H phải trả lãi cho bà Trần Ngọc D theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền